

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2019
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

+ Ông Nguyễn Văn Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Hồng A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, Luật sư của Công ty luật TNHH T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lưu Đình T, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Đóng tại xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/3/2019 và bản tự khai tại Tòa án, chị Đặng Thị Hồng A là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Lưu Đình T kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 26/02/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xảy ra cãi, chửi nhau. Tháng 9 năm 2016, anh bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Khi anh T đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Nam Hà có một, hai lần chị vào thăm gặp anh T để nói về việc vợ chồng ly hôn, anh T nhất trí. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2019 và ngày 02/8/2019, anh Lưu Đình T là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị A đã trình bày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng còn, chị A ly hôn anh nhất trí. Do anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Nam Hà, anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Chị A và anh T trình bày, vợ chồng có hai con chung là Lưu Linh N, sinh ngày 16/8/2009 và Lưu Tuấn Đ, sinh ngày 22/12/2010. Hiện cả hai cháu đang ở với chị A, khi ly hôn chị A, anh T cùng có ý kiến thống nhất giao cả hai con chung cho chị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị A.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung: Chị A, anh T không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Chị A, anh T trình bày không có.

Tại phiên tòa, đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không sửa đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào

khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Hồng A. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Hồng A và anh Lưu Đình T. Về con chung: Giao cháu Lưu Linh N, sinh ngày 16/8/2009 và Lưu Tuấn Đ, sinh ngày 22/12/2010 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị A. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Hồng A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lưu Đình T là bị đơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà, đóng tại xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Đặng Thị Hồng A, anh Lưu Đình T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, không ai đề nghị hoãn phiên tòa nên đây là trường hợp nguyên đơn, bị đơn vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Hồng A và anh Lưu Đình T kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 26/02/2007, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi, chửi nhau. Tháng 9 năm 2016 anh T vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị A ly hôn, cả hai đều

xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A xin ly hôn anh T nhất trí. Việc thuận tình ly hôn giữa chị A, anh T là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị A, anh T có hai con chung là cháu Lưu Linh N, sinh ngày 16/8/2009 và Lưu Tuấn Đ, sinh ngày 22/12/2010. Khi ly hôn, chị A, anh T thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Sự thỏa thuận của chị A, anh T nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tuấn không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Ánh là phù hợp với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Hồng A và anh Lưu Đình T thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn. Chị A xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (Chị A xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh T). Xét thấy sự tự nguyện của đương sự là phù hợp pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Hồng A và anh Lưu Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Linh N, sinh ngày 16/8/2009 và Lưu Tuấn Đ, sinh ngày 22/12/2010 cho chị Đặng Thị Hồng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T

không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị A. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Đặng Thị Hồng A chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị A xin chịu thay cho cả phần án phí của anh T), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001514 ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị A đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt